

LỐI SỐNG CƯ DÂN NÔNG THÔN Ở LIÊN XÔ

R. V. RYVKINA - Phương pháp luận, phương pháp hệ và kết quả nghiên cứu các khía cạnh kinh tế - xã hội của hoạt động sống Novosibirsk "Nauka", 1979, 352 trang.

Từ lâu nông thôn được coi là một bộ phận đặc thù của xã hội, một cộng đồng lãnh thổ - xã hội độc đáo, nơi cư trú của cư dân chủ yếu làm nông nghiệp, có cơ cấu kinh tế - xã hội, quần cư xã hội, nhân khẩu - xã hội giai cấp - xã hội tương đương đối độc lập, có một lối sống riêng. Những đặc điểm đặc thù của lối sống đó là trì trệ, ít biến động, khả năng lựa chọn công ăn việc làm chủ yếu hạn chế ở những việc chăn nuôi và trồng trọt, không có sự điều tiết thời gian làm việc và không hề có kế hoạch sử dụng đúng thời gian được, hạn chế sự lựa chọn môi trường xã hội, văn hóa và sinh hoạt có nhiều nét độc đáo. Thêm nữa, các khu dân cư nông thôn rất nhỏ bé, nhà ở một tầng, không có những tiện nghi sinh hoạt công cộng, v.v..

Công trình chuyên khảo của R. V. Ryvkina dành riêng để xác định phương pháp luận và phương pháp hệ nghiên cứu có hệ thống lối sống cư dân nông thôn tạo ra một quan niệm lý luận về lối sống cư dân nông thôn. Tác giả đã sử dụng số liệu các cuộc điều tra xã hội học cư dân Tây Sibiri.

Trong lối sống nông thôn, tác giả phân biệt sáu dạng hoạt động: lao động trong nền sản xuất xã hội, lao động trong kinh tế phụ, hoạt động sinh hoạt, hoạt động học tập, những công việc trong lĩnh vực văn hóa và thì giờ rảnh rỗi, công tác xã hội. Các dạng hoạt động trong lối sống có mối liên hệ gắn bó qua lại về chức năng. Những đặc tính chức năng của hoạt động

được bổ sung bằng các chỉ báo lô gích cho ta biết toàn bộ hệ thống hoạt động. Những chỉ báo ấy là: nội dung hoạt động, chế độ hoạt động, điều kiện hoạt động, vị trí thời hạn và giá trị của hoạt động đối với chủ thể. Tất cả các dạng gắn liền với cùng một chủ thể là cư dân nông thôn. Quan hệ qua lại giữa các thành phần của lối sống phụ thuộc vào chủ thể phân bố các dạng hoạt động ra sao.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa về cơ sở và những nét chính, lối sống cư dân đô thị và nông thôn là cùng một kiểu loại. Song, những khác biệt xã hội giữa đô thị và nông thôn gây nên những nét đặc thù của lối sống nông thôn.

Đặc trưng của lối sống nông thôn trước tiên biểu hiện trong hoạt động lao động. Dân đô thị về cơ bản có hai loại hoạt động lao động: làm việc trong nền sản xuất xã hội và làm việc nhà. Phần lớn cư dân nông thôn, ngoài những loại đó ra, còn làm kinh tế phụ. Việc đó in dấu sâu sắc lên tất cả mọi khía cạnh hoạt động sống của cư dân nông thôn.

Nội dung lao động của cư dân nông thôn mang nét nổi bật là lao động chân tay chiếm ưu thế so với lao động trí óc (78% cư dân nông thôn lao động chân tay), lao động

không đòi hỏi đào tạo chuyên môn chiếm tỷ lệ lớn (hơn 40% dân cư không được đào tạo chuyên môn). Điều kiện lao động ở nông thôn ít được cơ khí hóa - tỷ lệ các công việc thủ công năm 1970 chiếm 70% so với 40% trong công nghiệp. Điều đó làm cho lao động càng nặng nhọc và người ta có cảm tưởng không cần đào tạo nghề nghiệp cũng làm được lao động nông nghiệp. Chế độ lao động ở nông thôn nổi bật là ngày làm việc quá dài (mùa hè 8, 9 tiếng đồng hồ mỗi ngày, mùa đông 9 tiếng mỗi ngày) người ta sử dụng một phần cả ngày nghỉ và ngày phép để làm việc (năm 1974, 20% nhân viên nông nghiệp không nghỉ phép), hầu như không có tục lệ nghỉ phép để đi du lịch, an dưỡng v.v.. Trong chế độ lao động nông thôn, các nhân tố không hình thức tác động mạnh hơn so với đô thị, ít có sự ấn định về pháp luật đối với chế độ lao động. Đồng thời do lao động gắn liền với thiên nhiên yên tĩnh, do thói quen và do đã thích nghi với lao động nông nghiệp mà 77,6% số người được hỏi nói chung thỏa mãn với lao động. Bởi vậy trong lao động nông nghiệp có những nét mà người dân đô thị có thể không thích lại ăn sâu vào cuộc sống nông thôn, nhập vào một với cuộc sống nông thôn (tr. 178).

Lao động trong kinh tế phụ - một yếu tố của lối sống - có nhiều chức năng xã hội quan trọng đối với cư dân nông thôn. Nó tạo nên sản phẩm cần thiết mà ở nông thôn không có, lại giúp người ta có hoa quả, thực phẩm tươi ngon hơn, giảm chi tiêu cho ăn uống không chỉ của người nông thôn mà cho cả bà con họ hàng của họ ở đô thị. Ngoài ra, nó còn là nguồn thu nhập bổ sung do bán nông sản và tiết kiệm tiền, khỏi phải mua sản phẩm đó trên thị trường. Thêm nữa, nó làm cho những người cùng làng quý trọng những người làm kinh tế phụ, khiến họ tăng thêm uy tín. Và cuối cùng, lao động trong kinh tế phụ làm cho thì giờ rảnh rỗi của người dân nông thôn được lành mạnh, thoát khỏi cảnh rượu chè, cờ bạc. Như vậy, nó ảnh hưởng đến

những lợi ích kinh tế, uy tín xã hội, định hướng giá trị của người dân nông thôn. Nhưng không chỉ đối với người lớn, mà ngay cả với thiếu niên, kinh tế phụ cũng có tác động và ý nghĩa tốt. Mảnh vườn làm cho các em quen với những thí nghiệm học sinh, phát triển lòng quan tâm đến thiên nhiên của các em, quy định trước hứng thú và sự chọn nghề của các em. Đặc điểm nổi bật của nội dung lao động trong kinh tế phụ thuộc là cường độ cao - tính gộp các quỹ sản xuất thì kinh tế phụ chỉ chiếm 9% nhưng đã cung cấp 28% toàn bộ nông sản của cả nước. Về mặt điều kiện lao động, mức độ cơ khí hóa rất thấp (năm 1977, 80% các gia đình không hề có máy móc gì), người ta thức khuya dậy sớm bất kể ngày làm việc kéo dài bao nhiêu, hầu như không được sự giúp đỡ vì sức kéo cày, bừa, v.v.. “Dù rất quan trọng và bổ ích đối với gia đình, nhưng lao động trong kinh tế phụ vẫn dần dần mâu thuẫn với thứ nhất, sự tăng giá trị của các phúc lợi đô thị, thứ hai, với sự tăng thu, nhập bằng tiền của cư dân, thứ ba, với việc nâng cao trình độ giáo dục của cư dân” (tr. 184) kinh tế phụ khiến cho giữa người làm kinh tế phụ với xã hội có mối quan hệ chủ yếu mang tính chất hàng hóa, thị trường và không tránh khỏi tâm lý chạy chợ. Có thể nói kinh tế phụ là một trong những cội rễ sinh ra sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn trong sinh hoạt, định hướng giá trị của cư dân. Bởi vậy theo đà phát triển xã hội theo đà đang lao động này thay đổi nội dung và giá trị của nó đối với cá nhân, tính tất yếu kinh tế của nó phải được thay bằng nhu cầu lao động để thỏa mãn bản thân cá nhân đó.

Về hoạt động gia đình và sinh hoạt của cư dân nông thôn, ta thấy gia đình nông dân cũ dựa trên nền kinh tế tư hữu hàng hóa nhỏ, tức là kết hợp việc nhà với sản xuất nhỏ. Trong gia đình như thế sự sung túc no đủ của tất cả mọi thành viên phụ thuộc vào lao động chung khá nặng nhọc, chủ yếu chỉ hợp sức nam giới. Điều đó đòi hỏi số nam giới trong gia đình càng

nhiều càng tốt, quy định vị trí hàng đầu của họ trong cuộc sống gia đình. Gia đình lớn đòi hỏi phải có kỷ luật nghiêm ngặt, có sự phân công chức năng giữa các thành viên, duy trì cơ cấu ngôi thứ dựa trên cơ sở bất phục tùng và phục tùng lẫn nhau. Khi mà mọi người đều thất học như nhau, nghề nghiệp không ổn định, thì kinh nghiệm sống có ý nghĩa lớn. Điều đó cùng với tài sản sở hữu đã tạo nên quyền lực của chủ hộ và những người già, sinh ra chế độ gia đình độc đoán. Gia đình nông dân hiện nay về các hình thức hoạt động sống đã gần với gia đình đô thị, song vẫn còn một số đặc trưng riêng nào đó do những điều kiện sống ở nông thôn vẫn duy trì những nét của gia đình nông thôn truyền thống, tập tục, chuẩn mực, định hướng giá trị. Cuộc điều tra xã hội học ở Novgorod cho thấy trong đại đa số gia đình nông thôn, những người lớn coi quyền chủ gia đình là chức năng danh nghĩa thuần túy, bởi vì, những quyết định quan trọng trong cuộc sống gia đình được cùng nhau bàn bạc. Theo truyền thống, người đàn ông già nhất trong gia đình là chủ nhà, song ở một nửa các gia đình được hỏi, chủ nhà là mẹ già, con dâu, con trai đã cưới vợ. Cứ hai gia đình, thì một gia đình chỉ có bố mẹ và con cái. Dĩ nhiên do đó những quan hệ trong nội bộ gia đình, tính chất giáo dục con cái khác hẳn đại gia đình: những người già tuy giàu kinh nghiệm sống nhưng ở riêng nên ít ảnh hưởng đến thế hệ đang lớn. Do sự khác nhau về nghề nghiệp, địa vị xã hội, do tham gia các tập thể lao động khác nhau ở nông thôn cũng như đô thị nên giữa những người hàng xóm láng giềng với nhau ít có sự tiếp xúc hơn. Kết quả là vai trò của các hình thức giáo dục trước tuổi học và trong tuổi học cho con cái, cũng như vai trò giáo dục của cha mẹ tăng lên, do đó tăng nhu cầu về thời gian tự do của cha mẹ. Nhưng về mặt này, ta thấy ngoài những bận bịu trong sản xuất xã hội cũng như kinh tế

phụ, cư dân nông thôn còn rất bận với những việc nhà do đặc trưng ở nông thôn gây nên nhà ở nông thôn chủ yếu là nhà gỗ một tầng (izba), phần lớn chưa có các phúc lợi sinh hoạt công cộng cơ bản như nước máy, lò sưởi hơi, hệ thống cống rãnh, các tiện nghi sinh hoạt như máy giặt, máy hút bụi, tủ lạnh, v.v... Điều đó khiến cho mỗi tuần một nông trang viên mất 11 tiếng đồng hồ để nấu ăn, mỗi ngày gần 1 tiếng đồng hồ lo củi dóm (tức là 20 - 23 ngày/năm), từ 30 phút đến 2 giờ một ngày cho gia súc ăn. Như vậy, họ phải chi phí không ít thời gian và lao động chân tay cũng như tiền của. Vào những năm 60 đã có những biến chuyển tích cực trong xây dựng nhà ở. Nông thôn đã được cung cấp khí đốt: trong những năm 1965 - 1975, số căn hộ có khí đốt ở đô thị tăng lên 3 lần, ở nông thôn: 21 lần, nâng tổng số quỹ nhà ở có khí đốt ở nông thôn lên 40 - 50%. Việc dùng điện ở nông thôn cũng tăng. Môi trường đồ đạc nội thất thay đổi hẳn làm thay đổi lao động việc nhà của nông thôn, khiến nó gần với đô thị. Người nông thôn mua ngày càng nhiều những mặt hàng mà trước họ coi là xa xỉ hoặc không có nhu cầu bàn ghế giường tủ, đồ điện, máy móc, xe đạp, máy giặt... Cư dân nông thôn sử dụng ngày càng nhiều mạng lưới dịch vụ công cộng kiểu đô thị: cửa hiệu, nhà ăn và các cơ quan sinh hoạt. Nhưng tác giả cũng nêu rõ: ở một số vùng nông thôn Tây Sibiri, những điều kiện nhà ở nhiều khi cản trở việc đô thị hóa lối sống, vì xu hướng chung của cư dân muốn sống ở từng nhà riêng biệt (17,3%). Theo họ, có như thế họ mới làm kinh tế phụ, giữ nếp sinh hoạt quen thuộc, giữ chỗ ở ổn định được trong khi hoàn toàn hoặc phần nào không có những tiện nghi dịch vụ công cộng. Họ không muốn thay đổi kiểu nhà ở vì họ không có nhu cầu cao về các dịch vụ công cộng vốn có ở kiểu nhà đô thị.

Để cải tạo sinh hoạt nông thôn, phải phát triển nhanh chóng hệ thống dịch vụ công cộng.

Sau khi xác định vị trí của việc học tập trong lối sống, tác giả nêu lên những đặc điểm sau: số người nghỉ sản xuất để đi học rất ít, trong khi đó người học vẫn thấp lại nhiều (tr. 201) ở tỉnh Novosibirsk, cứ ba thanh niên có một trang đi làm chưa tốt nghiệp trung học mà không học tiếp, vì nguyên nhân: những người này không thấy nhu cầu nhất thiết phải học cao hơn mới sản xuất được và không phải tất cả mọi người dân nông thôn đều có thể tiếp tục học lên vì họ quá bận. Đồng thời cũng có khá đông người đặt kế hoạch học lên: số người định đi học cao gấp 5 lần số người thực tế đang học. Phụ nữ thích học đại học và trung học hơn, còn nam giới lại thích học nghề kỹ thuật.

Về việc sử dụng thời gian tự do, cuộc trưng cầu ý kiến của các nhà xã hội học Volgograd cho thấy: nam giới chỉ 19,2% thời gian tự do để làm kinh tế phụ và việc nhà, nữ giới - 22,5%. Thời gian tự do được dành cho các loại việc khác lần lượt ở nam và nữ như sau: 13,5% và 17,8% để giáo dục con cái, 26,7% và 25,2% để xem vô tuyến, nghe đài, 3,6% và 2,7% để học, 6,8% và 7,9% để xem phim, các số liệu điều tra ở Orenburg cũng tương tự như vậy. Như thế thì giờ rảnh rỗi của cư dân nông thôn còn rất ít dành cho văn hóa, nghỉ ngơi, giải trí. Nét nổi bật trong thì giờ rảnh rỗi ở nông thôn là những công việc gia đình đã đóng chức năng giải trí, những hình thức nghỉ ngơi tại gia đình còn quá nhiều và rất thụ động không tích cực và không sáng tạo giá trị tinh thần, không có tác dụng rõ rệt đến việc nâng cao trình độ văn hóa giáo dục, lại làm tăng thêm chủ nghĩa cá nhân, tính thích biệt lập vốn đã có từ lâu trong lối sống gia đình nông thôn. Nguyên nhân của sự phổ biến các hình thức nghỉ ngơi tại nhà là: 1) dân nông thôn ngày càng nhiều tivi, đài, nhạc cụ, sách báo hơn. 2) các cơ quan văn hóa nông thôn hoạt động kém hiệu quả, không cân nhắc đầy đủ tính chất và mức độ đòi hỏi tinh thần của cư dân. 3)

những đặc điểm của lối sống nông thôn: quá bận việc nhà, các hình thức nghỉ ngơi cổ truyền còn đóng vai trò lớn. Quan niệm coi một người nông dân tốt, không biết nghỉ ngơi còn in sâu trong dư luận xã hội, v.v. Nhu cầu về văn hóa của cư dân nông thôn còn chậm biến đổi. Tác giả phân tích cho thấy: những nhu cầu trong lĩnh vực thì giờ rảnh rỗi còn rất khác nhau theo lứa tuổi, học vấn, nơi ở, trình độ văn hóa chung và tay nghề càng cao thì sự không thỏa mãn với môi trường văn hóa nông thôn càng tăng. Về môi trường văn hóa nông thôn thì nét nổi bật là “các dạng dịch vụ văn hóa còn rất thấp về chất lượng, phiến diện, và phân bố không đều về lãnh thổ” (tr, 213). Tóm lại, trình độ nghỉ ngơi trong lúc rảnh rỗi của cư dân nông thôn là hậu quả sự phát triển không đầy đủ của môi trường văn hóa cũng như các nhu cầu của cư dân. Song R. V. Ryvkina cũng nêu rõ: ngoài ra, còn do nguyên nhân là các hình thức nghỉ ngơi cổ truyền ở nông thôn như hội hè dân gian, đua tài của những người sáng tác và biểu diễn ca dao dân ca, nhảy múa vẫn chưa được giảm bớt bao nhiêu. Việc đô thị hóa còn chưa tạo ra được cho nông thôn những hình thức mới thích hợp. Hơn nữa, theo tác giả, cũng cần đến đặc trưng của việc nghỉ ngơi giải trí ở nông thôn và khi đánh giá nó, tránh đem con mắt đô thị hóa cao độ mà kiến giải (tr. 214). Tuy có thể nói “về sự lạc hậu nào đó về văn hóa của nông thôn so với đô thị, nhưng sự lạc hậu đó khác hẳn về chất sự lạc hậu dưới chủ nghĩa tư bản, và không nên phân biệt “văn hóa đô thị”, “văn hóa nông thôn”, càng không nên nói đến nền “văn hóa phụ” (Subkul'tura) của nông thôn. Theo tác giả, nông thôn là một cộng đồng xã hội thuộc loại đặc biệt, có trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác, cũng như mang đặc trưng bầu không khí tâm lý khác, thể hiện trong lối sống như các vai trò và tiếp xúc xã hội ít được hình thức hóa

những giao tiếp láng giềng và họ hàng rất phổ biến. Đời tư của mỗi người tương đối được giữ kín. Vai trò của sự kiểm soát trong nội bộ nhóm, của truyền thống, tập tục vẫn còn mạnh. Mỗi con người nông thôn là một cá nhân có tên tuổi, lai lịch, hành vi hoàn toàn xác định chứ không ẩn danh như ở đô thị. Nhịp sống chậm hơn đô thị, chủ yếu gắn liền với thiên nhiên gần với thiên nhiên, ít có sự phân tầng về văn hóa” (tr. 49 - 50). Một mặt, đang tiếp diễn mạnh mẽ quá trình khuếch tán, ảnh hưởng lẫn nhau và thâm nhập lẫn nhau của lối sống đô thị và nông thôn. Ở các đô thị lớn có rất nhiều xóm nhỏ chủ yếu là nơi ở của những người mới rời nông thôn lên, nơi đó vẫn còn duy trì nhiều nét của lối sống nông thôn. Mặt khác, ở các thành phố nhỏ và thậm chí ở các thôn xã cũng có những nhóm người sống trong những điều kiện khác hẳn so với đô thị lớn.

Một chỉ báo nói lên mức độ đô thị hóa của lối sống nông thôn là hiện tượng di cư theo kiểu con lấc. Đó là những chuyến đi không phải để làm việc của cư dân nông thôn vào đô thị: mà đi nhằm mục đích giải trí văn hóa, mua sắm sinh hoạt. Các chuyến đi đó được coi như một trong những yếu tố của lối sống nông thôn, một phương thức để đồng hóa lối sống đô thị, mở rộng không gian xã hội đối với những người nông thôn vốn quen sống khép kín trong điểm

dân cư (làng quê) của mình. Nói chung trên toàn Liên Xô những chuyến đi làm và đi học từ năm 1965 đến 1975 tăng 1,5 lần. Những chuyến đi vào đô thị do khoảng cách qui định: dân các trung tâm khá lớn thì thường đi vào tỉnh lỵ, dân các làng xa xôi thì đến huyện lỵ. Các cuộc điều tra cho thấy phần lớn cư dân đi để mua hàng, tỷ lệ người đi làm chỉ chiếm 6%. Tác giả cho thấy: thái độ của cư dân nông thôn đối với đô thị và với nông thôn của họ có tính chất hai mặt. Họ coi sức hấp dẫn của đời sống nông thôn chủ yếu là những giá trị cổ truyền, còn những khuyết điểm của nó là do những giá trị đô thị hóa. Thực chất của thái độ đó là “kết hợp sự quyến luyến cổ truyền dành cho nông thôn với việc phủ nhận nó, không thỏa mãn với nó” (tr. 329). Dân nông thôn đánh giá chung về đô thị rất cao. Ở đây thể hiện uy tín cao của đô thị, nhưng khi đánh giá cụ thể, định lượng đô thị hóa lại bị xu hướng truyền thống lấn át (55% số người được hỏi thích nông thôn hơn, 20% thích đô thị) (tr. 330), vì vậy một kết luận quan trọng được rút ra là khi đô thị hóa lối sống cần tránh phiến diện, phải xác định và kết hợp những nét tốt cả trong lối sống đô thị và lối sống nông thôn đồng thời khắc phục những thiếu sót của cả hai lối sống.

PHẠM VĂN BÍCH